Toán

Bài: **So sánh các số có hai chữ số**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Biết so sánh các số có hai chữ số

- Biết viết nhiều hơn hoặc ít hơn vào chỗ chấm

-Hình thành cho hs các năng lực:Năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề

*-*HS tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của GV nêu ra.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** GV: Sách Toán 1. Tranh trong SGK. Bảng phụ, bộ hình vuông

- HS: Bộ đồ dùng học Toán 1.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 5’  12’  12’    6’ | **1.Mở đầu**  **Khởi động**  **Nhóm nào dán được nhiều hình hơn?**  Giới thiệu bài.  + Cách thực hiện:  Ví dụ: Hai nhóm HS được chọn ra có số lượng như nhau, mỗi nhóm xếp thành một hàng dọc, giữa hai nhóm có một rổ đựng các hình vuông (số lượng lớn hơn 40 hình). Sau lệnh “Bắt đầu!", mỗi nhóm một HS lấy 1 hình vuông dán lên phần bảng của nhóm mình, HS trước dán xong thì HS tiếp theo lại lấy 1 hình vuông dán tiếp, cứ thế dán sao cho thành cột 1 chục thì chuyển sang cột khác. HS nào dán không đúng (chưa đủ 1 chục đã chuyển sang cột khác hoặc dán thành cột nhiều hơn 1 chục) thì phải dán lại cho đúng. Khi đã hết hình vuông trong rổ.  - GV khen nhóm làm tốt, khen HS nhận xét đúng và nhanh nhất.  - GV giới thiệu bài học mới*:* **So sánh các số có hai chữ số.**  **2. Hình thành kiến thức mới**  HS biết cách só sánh các số có hai chữ số.  + Các bước:  ***a. Nhận biết cách so sánh hai số có hai chữ số.***  - GV gắn (chiếu, cho HS quan sát trong SHS) tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.  + GV yêu cầu mỗi cặp đôi HS quan sát mô hình hai số 32 và 23, thảo luận để trả lời câu hỏi “Bạn trai trong tranh nói đúng không? Vì sao?”.  Câu trả lời đúng: Bạn trai trong tranh nói đúng. 3 chục lớn hơn 2 chục thì 3 chục lớn hon 23 (do 10 lớn hơn 3) nên 32 lớn hơn 23 (HS có thể nối tương ứng từng cặp hình vuông của mô hình hai số)  - GV nhận xét  - Củng cố trường hợp so sánh hai số có số chục khác nhau: So sánh số chục, nếu số chục khác nhau thì kết luận (không cần so sánh đến số đơn vị). GV lấy một số VD  + Hoạt động tương tự với hai số 23 và 25; - Củng cố trường hợp so sánh hai số có số chục như nhau: So sánh số chục, nếu số chục như nhau thì so sánh tiếp số đơn vị rồi kết luận. GV lấy một số VD  b. Chốt thứ tự các bước so sánh hai số có hai chữ số:  - So sánh số chục, nếu số chục khác nhau thì kết luận.  VD: So sánh 23 và 32, …  - So sánh số chục, nếu số chục như nhau thì so sánh tiếp sổ đơn vị rồi kết luận. VD: So sánh số 25 và 23,…  - GV kết luận các bước so sánh  **3. Luyện tập**  ***3.1. Thực hiện HĐ1 trong SHS.***  HĐ này nhằm cho HS thực hành so sánh hai số có hai chữ số theo thứ tự *ở* chốt 2. mục Khám phá).  + Các bước:  - GV theo dõi từng cá nhân HS, kịp thời giúp HS còn lúng túng vể cách so sánh và sử dụng dấu <, >.  - Gọi một số HS viết dấu vào trên bảng và nói cách so sánh *(GV gợi ý đến khi HS nói rành mạch từng bước so sánh*).  - GV yêu HS tự thực hiện các phần còn lại, sau đó gọi một số HS trình bày trên bảng đến khi GV và các HS khác xác nhận đã đúng:  a. < b. > c. >  3.2. ***HS thực hiện HĐ2 trong SHS.***  HĐ này nhằm tiếp tục cho HS thực hành so sánh hai số có hai chữ số, nhưng hình thức khác so với HĐ1: chọn số viết vào đúng ô vuông để được câu đúng.  + Các bước tương tự như HĐ1.  - GV theo dõi từng cá nhân HS, kịp thời giúp HS còn lúng túng.  - Gọi một số HS viết số vào trên bảng và nói cách so sánh *(GV gợi ý đến khi HS nói rành mạch từng bước so sánh*).  - GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.  **4. Vận dụng:**  **T**hực hiện HĐ3 trong SHS.  HĐ này nhằm cho HS vận dụng so sánh hai số đề tìm ra số bé nhất, số lớn nhất trong ba số đã cho.  + Các bước:  - GV hướng dẫn để HS hiểu cách tìm số bé nhất, số lớn nhất như bóng nói.  - GV nhận xét, khen HS làm bài tốt. | - HS hoạt động chung cả lớp  - HS thực hiện chơi theo lệnh của GV  - HS giơ tay để nhận xét nhóm nào dán được nhiều hình vuông hơn.  - HS lắng nghe  - HS hoạt động cặp đôi  - HS quan sát tranh  - HS quan sát mô hình hai số 32 và 23, thảo luận và trả lời câu hỏi.  - Đại diện một số cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp.  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS so sánh từng cặp số có số chục khác nhau mà GV đưa ra.  - HS lắng nghe  - HS So sánh trả lời.  - HS So sánh trả lời.  - Lắng nghe  - HS hoạt động cá nhân  - HS tự viết dấu vào trong vở phần a.  - HS viết dấu vào trên bảng và nói cách so sánh  - HS tiếp tục làm bài tập theo yêu cầu  - HS hoạt động cá nhân  - HS tự viết số vào trong vở phần b.  - HS viết số vào trên bảng và nói cách so sánh  Kết quả đúng.    - HS hoạt động cá nhân  - HS xem mẫu  - HS thực hiện với ba số 32, 23, 25  - Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp - HS khác nhận xét |

IV.Điều chỉnh sau bài dạy:…………………………………………………………